

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19-6-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Duy Hải;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:** Bà Bô Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 17-12-2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-5-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29-5-2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1976; thường trú: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thị Phương D, tổ 8, khu phố V, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Trần Đình H, sinh năm 1971; thường trú: Khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thị Phương D, tổ 8, khu phố V, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn bà Võ Thị Thu T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T và ông Trần Đình H có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, quyển số 01/2008 ngày 23-4-2008. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng năm 2017 đến nay thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H thường kiếm cớ để chửi mắng bà T. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Võ Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đình H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đình Đ, sinh ngày 19-8-2008 và Trần Đình P, sinh ngày 05-8-2012. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Đình H đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, H giải và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông H thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Đình H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T và ông Trần Đình H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, quyển số 01/2008 ngày 23-4-2008, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Võ Thị Thu T xác định từ năm 2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H thường kiếm cớ để chửi mắng bà T, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông H đã được Tòa án nhân dân thị xã T tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông H không đến Tòa án cho thấy ông H không có thiện chí H giải để vợ chồng đoàn tụ và ông H đã từ bỏ quyền chứng minh, phản bác của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà T và ông H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đình Đ, sinh ngày 19-8-2008 và Trần Đình P, sinh ngày 05-8-2012. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, con chung hiện nay đang sống chung với bà T. Tại bản tự khai, cháu Đạt và cháu Phát đều trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ, bà T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Trần Đình H như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T được ly hôn với ông Trần Đình H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Đình Đ, sinh ngày 19-8-2008 và Trần Đình P, sinh ngày 05-8-2012 cho bà Võ Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Võ Thị Thu T và ông Trần Đình H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Thu T về việc không yêu cầu ông Trần Đình H cấp dưỡng nuôi 02 con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037429 ngày 10-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Trí**